

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-3-2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thế Khải;**

Bà **Nguyễn Thu Thủy.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Hữu Nghĩa** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1960 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Czech.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Thị Kim P, thuộc Văn phòng Luật sư V – Chi nhánh G, đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (Xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 127B, đường N, Khu phố 1, Phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và đơn khởi kiện ngày 30/9/2019, nguyên đơn anh C trình bày:

Anh chị chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Lodenice, okr. Beroun, Ceska Republika theo giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký số O448247 sổ số 2 trang 64 số thứ tự 22 ngày 24/9/2018. Quá trình chung sống thì anh chị không có thời gian bên nhau chỉ được 7 tháng đầu tại Czech, sau đó do bất đồng

quan điểm sống nên chị M trở về Việt Nam sinh sống tại địa chỉ 127B đường N, Khu phố 1, Phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, riêng anh thường xuyên vì anh ở tại Czech để làm việc sinh sống, anh chị rất ít có thời gian dành cho nhau, anh có vài lần về Việt Nam để mong hàn gắn tình cảm nhưng anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn. Nay anh thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh M.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Chị và anh C có sống chung và đăng ký kết hôn như anh C trình bày, sau khi kết hôn cuộc sống của chị rất khổ, bảy tháng sống chung với anh, anh C nhốt chị trong ngôi nhà với bốn bức tường, anh dùng mọi lời thô tục khiếm nhã để nói với chị, ngày nào anh cũng kiểm chuyện chêu bai cội nguồn dân tộc, thỉnh thoảng chị phản đối thì anh đánh đập chị. Anh C hay đánh đập chị và hành hạ chị nên chị có lén ghi âm và chụp hình lại với ý định khi anh tỉnh lại thì chị cho xem nhưng cũng bị anh C đập điện thoại. Anh C còn bạo hành tình dục với chị, vì chị sợ nên không dám chống cự. Anh còn chửi cha mẹ chị. Sau đó chị về được Việt Nam, anh C cũng có quen cô gái khác tên T, khi chị biết chuyện chị muốn ly hôn nhưng anh không chấp nhận. Sau đó chị được luật sư bên anh C thông báo anh C muốn ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn vì chị không muốn có người thứ hai rơi vào hoàn cảnh như chị vì anh.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, cho anh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh M.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh C, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Anh C yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh M, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn” theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh C hiện cư ngụ tại Czech, quốc tịch Cộng Hòa Séc bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M có quốc tịch Việt Nam, hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 127 đường N, khu phố 1, Phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Anh C có văn bản xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị M.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo anh C trình bày anh và chị M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Lodenice, okr. Beroun, Ceska Republika theo giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký số O448247 sổ số 2 trang 64 số thứ tự 22 ngày 24/9/2018 và được Ủy ban nhân dân thị xã G trích lục ghi chú kết hôn số 36/TLGCKH ngày 04/11/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị M được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh C về việc yêu cầu được ly hôn với chị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời khai của anh C thì sau khi kết hôn anh chị không có thời gian bên nhau chỉ được 7 tháng đầu tại Czech, sau đó do bất đồng quan điểm sống nên chị M trở về Việt Nam sinh sống. Còn anh thường xuyên ở tại Czech để làm việc sinh sống, anh chị rất ít có thời gian dành cho nhau, anh có vài lần về Việt Nam để mong hàn gắn tình cảm nhưng anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị M. Bị đơn chị M trình bày sau khi kết hôn anh C luôn nhốt chị trong ngôi nhà với bốn bức tường, anh dùng mọi lời thô tục khiếm nhã để nói với chị, ngày nào anh cũng kiểm chuyện chê bai cội nguồn dân tộc, thỉnh thoảng chị phản đối thì anh đánh đập chị. Anh C hay đánh đập chị và hành hạ chị, đồng thời còn bạo hành tình dục với chị, vì chị sợ nên không dám chống cự. Anh C có người phụ nữ khác bên ngoài, khi chị biết chuyện chị muốn ly hôn nhưng anh không chấp nhận. Nay chị không đồng ý ly hôn vì chị không muốn có người thứ hai rơi vào hoàn cảnh như chị vì anh. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị M đã thật sự trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vì sau khi kết hôn anh chị có rất ít thời gian sống chung để quan tâm chăm sóc lẫn nhau, theo như bị đơn chị M trình bày anh C có hành vi bạo lực gia đình không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, hay chửi và xúc phạm chị, anh C còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Hai người thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống chung của anh C và chị M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh C là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh M.

2. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001215 ngày 12/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: anh C, chị Nguyễn Thị Thanh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền

